

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TML22B4** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MD06125** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Lạnh cơ bản**
Số tín chỉ: **6**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2255202052010	Quách Võ Thái An	23/02/2007			7	8	8.0	8.0			7.5		7.6
2	2255202052011	Trần Hoài An	21/09/2006			8	7	9.0	9.0			7.0		7.6
3	2255202052013	Nguyễn Quang Gol	23/03/2007			9	8	8.0	8.0			8.5		8.4
4	2255202052016	Trần Nguyễn Đăng Khoa	29/07/2007			9	9	8.0	9.0			9.0		8.9
5	2255202052017	Nguyễn Văn Kiên	09/04/2007			9	8	9.0	9.0			9.5		9.2
6	2255202052019	Huỳnh Hoàng Nghiêm	12/09/2007			7	7	8.0	7.0			7.0		7.1
7	2255202052020	Cao Kiên Nhẫn	25/10/2006			8	8	8.0	8.0			6.0		6.8
8	2255202052022	Trần Nguyễn Hữu Phát	12/04/2007			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
9	2255202052023	Đinh Oai Phong	09/11/2006			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
10	2255202052024	Nguyễn Đình Phong	21/12/2007			8	8	9.0	8.0			6.0		6.9
11	2255202052025	Khuru Đặng Thiên Phú	21/07/2007			9	8	8.0	7.0			7.0		7.3
12	2255202052026	Lê Minh Phú	25/01/2007			8	7	8.0	8.0			7.5		7.6
13	2255202052027	Phan Thành Qui	09/10/2007			9	9	9.0	9.0			9.0		9.0
14	2255202052029	Võ Anh Tài	20/09/2007			9	9	9.0	9.0			8.5		8.7
15	2255202052030	Đoàn Hữu Thành	20/02/2007			8	8	8.0	8.0			7.0		7.4
16	2255202052032	Nguyễn Phước Trường	16/09/2007			8	7	8.0	8.0			7.5		7.6

Châu Đốc, ngày 30 tháng 5 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Hùng Thanh